ĐỀ KIỂM TRA 45 PHÚT MÔN NGỮ VĂN 6

Ngày soạn:................................

Ngày giảng: 6A:........................... Tiết: 28

 6B:……………….....

KIỂM TRA VĂN

**A. Mục tiêu cần đạt:**

I. Về kiến thức:

Hệ thống hoá lại kiến thức văn đã học trong các bài.

II. Về kĩ năng:

\*Kĩ năng bài học:

- Hs có kỹ năng làm bài kiểm tra: Cách diễn đạt.

- Giáo viên nắm được tình hình học tập của Hs để có cách dạy phù hợp.

- Kiểm tra, đánh giá kiến thức của các em. Từ đó, rút kinh nghiệm, có phương pháp truyền thụ tốt hơn, đạt hiệu quả hơn. Cho các em bước đầu làm quen với hình thức kiểm tra môn văn ở THCS

\*Kĩ năng sống:

- Kĩ năng quản lí thời gian: HS biết tập trung làmbài kiểm tra trong thời gian 45 phút.

- Kĩ năng ra quyết định: Lựa chọn câu trả lời phù hợp yêu cầu của đề.

III. Về thái độ:

- Có thái độ nghiêm túc trong khi làm bài.

- Giáo dục ý thức cẩn thận, chu đáo, trình bày bài của học sinh.

IV. Năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực quản lý thời gian.

**B. Chuẩn bị:**

1. Giáo viên: 1. Soạn thảo đề + đáp án + biểu điểm.

**\*MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ****Tên chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Cộng** |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **Thấp** | **Cao** |
| **Truyền thuyết** | - Nhận biết được thể loại truyền thuyết đã được học. |  | - Hiểu được nguyên nhân dẫn đến cuộc giao tranh giữa 2 vị thần. |  | So sánh 2 thể loại TT& CT đã học |  |  |
| **Câu số:****Số điểm:** **Tỉ lệ %:** | **1****0.5****5** |  | **2****0.5****5** |  | **5****3****30** |  | **3****4****40** |
| **Cổ tích** | - Nội dung được phản ánh trong truyện TS. |  | - Hiểu Mục đích của truyện "Em bé thông minh". |  |  | Cảm nhận về nhân vật cỏ tích đã học. |  |
| **Câu số:****Số điểm:** **Tỉ lệ %:** | **2****0.5****5** |  | **4****0.5****5** |  |  | **6****5****50** | **3****6****60** |
| **T/số câu:****T/số điểm:** **Tỉ lệ %:** | **2****1****10** | **2****1****10** | **1****3****30** | **1****5****50** | **6****10****100** |

**\*ĐỀ KIỂM TRA.**

**Lớp 6A:**

**Phần I: Trắc nghiệm** (2 điểm)

 Chọn đáp án đúng nhất ghi vào vở.

**Câu 1:** Truyền thuyết là gì?

A. Là loại truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ.

B. Là những câu chuyện thuộc thể loại truyện dân gian có chứa những yếu tố tưởng tượng, kỳ ảo.

C. Là truyện cổ dân gian phản ánh cuộc đấu tranh trong xã hội, thể hiện tình cảm, mơ ước của nhân dân, mang nhiều yếu tố thần kỳ, tưởng tượng.

D. Là loại truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ, thường có yếu tố yếu tố tưởng tượng kì ảo.

**Câu 2:** Nguyên nhân dẫn đến cuộc giao tranh giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh là:

 A. Vua Hùng kén rễ.

 B. Vua ra lễ vật không công bằng.

 C. Thủy Tinh không lấy được Mị Nương làm vợ.

 D. Sơn Tinh tài giỏi hơn Thủy Tinh.

**Câu 3:** Mục đích chính của truyện Em bé thông minh là gì?

 A. Ca ngợi tài năng, trí tuệ con người.

 B. Phê phán những kẻ ngu dốt.

 C. Khẳng định sức mạnh của con người.

 D. Gây cười.

Câu 4: Nội dung chủ yếu được phản ánh trong truyện Thạch Sanh là gì?

A. Đấu tranh chinh phục thiên nhiên.

B. Đấu tranh giữa cái thiện, cái ác.

C. Đấu tranh xã hội.

D. Đấu tranh chống ngoại xâm.

**Phần II: Tự luận** (8 điểm)

**Câu 5:** (3 điểm)

 So sánh sự giống và khác nhau giữa truyền thuyết và cổ tích.

**Câu 6:** (5 điểm) Nhân vật em bé trong truyện “Em bé thông minh” đã trải qua bốn lần thử thách. Lần thử thách nào mang đến cho em sự thú vị? Hãy viết một bài văn ngắn trình bày những suy nghĩ của em.

**\*ĐÁP ÁN & BIỂU ĐIỂM.**

**Phần I: Trắc nghiệm** (2 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng 0,5 điểm.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** |
| **Đáp án** | **D** | **C** | **A** | **B** |

**Phần II: Tự luận** (8 điểm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Biểu điểm** |
| **4****(3)** | a. Giống nhau:- Đều là truyện kể dân gian.- Đều có yếu tố tưởng tượng, kì ảo.- Có nhiều chi tiết giống nhau: sự ra đời thần kì, nhân vật chính có những tài năng phi thường.b. Khác nhau: \*Truyền thuyết - Kể về các nhân vật, sự kiện lịch sử .- Thể hiện cách đánh giá của nhân dân đối với những nhân vật, sự kiện lịch sử được kể.- Cả người kể lẫn người nghe tin là những câu chuyện có thật. \*Truyện cổ tích- Kể về cuộc đời của các loại nhân vật nhất định.- Thể hiện quan niệm, ước mơ của nhân dân về cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác.- Cả người kể lẫn người nghe coi là những câu chuyện không có thật. | **1****1****1** |
| **5****(5)** | \*Yêu cầu về hình thức: HS viết dưới dạng một bài văn ngắn có bố cục 3 phần. Trình bày phải rõ ràng, mạch lạc só cảm xúc, suy nghĩ sâu sắc xuất phát từ nội dung truyện.Không mắc lỗi diễn đạt, từ, câu, chính tả.\*Yêu cầu về nội dung:- Bài viết phải làm nổi bật đó là thử thách nào? - Giải câu đố của ai? - Cách giải đố của em bé? - Qua cách giải đố em bé thể hiện phẩm chất gì tốt đẹp? | **1****1****1****1****1** |

**\*ĐỀ KIỂM TRA:**

**Lớp 6B:**

**Phần I: Trắc nghiệm** (2 điểm):

Chọn đáp án đúng nhất ghi vào vở.

**Câu 1**: Chi tiết “Gióng vươn vai biến thành một tráng sĩ” trong văn bản Thánh Gióng có ý nghĩa như thế nào?

1. Chứng tỏ tầm vóc phi thường của người anh hùng và của cả dân tộc.
2. Gióng trở thành tráng sĩ.
3. Gióng là vị tướng của nhà trời.
4. Gióng là sức mạnh của nhân dân.

**Câu 2: T**ại sao em bé trong văn bản “Em bé thông minh” được hưởng vinh quang?

 A. Nhờ may mắn và tinh ranh

 B. Nhờ thông minh, hiểu biết.

 C. Nhờ sự giúp đỡ của thần linh

 D. Nhờ có vua yêu mến

**Câu 3:** Truyền thuyết là gì?

A. Là loại truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ.

B. Là những câu chuyện thuộc thể loại truyện dân gian có chứa những yếu tố tưởng tượng, kỳ ảo.

C. Là truyện cổ dân gian phản ánh cuộc đấu tranh trong xã hội, thể hiện tình cảm, mơ ước của nhân dân, mang nhiều yếu tố thần kỳ, tưởng tượng.

D. Là loại truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ, thường có yếu tố yếu tố tưởng tượng kì ảo.

Câu 4: Nội dung chủ yếu được phản ánh trong truyện Thạch Sanh là gì?

A. Đấu tranh chinh phục thiên nhiên.

B. Đấu tranh xã hội.

 C. Đấu tranh giữa cái thiện, cái ác.

D. Đấu tranh chống ngoại xâm.

**Phần II: Tự luận** (8 điểm)

**Câu 5:** (3 điểm):

So sánh sự giống và khác nhau giữa truyền thuyết và cổ tích.

**Câu 6:** (1 điểm) Hãy liệt kê các nhân vật trong truyện Thạch Sanh theo 2 tuyến nhân vật thiện và ác.

**Câu 7:** (4 điểm)

 Hãy nêu những thử thách đối với em bé trong văn bản “Em bé thông minh” mà em được học. Trí thông minh của em bé được bộc lộ như thế nào qua những thử thách đó.

**\*ĐÁP ÁN & BIỂU ĐIỂM.**

**Phần I: Trắc nghiệm** (2 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng 0,5 điểm.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** |
| **Đáp án** | **A** | **B** | **D** | **C** |

**Phần II: Tự luận** (8 điểm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Biểu điểm** |
| **5****(3)** | a. Giống nhau:- Đều là truyện kể dân gian.- Đều có yếu tố tưởng tượng, kì ảo.- Có nhiều chi tiết giống nhau: sự ra đời thần kì, nhân vật chính có những tài năng phi thường.b. Khác nhau: \*Truyền thuyết - Kể về các nhân vật, sự kiện lịch sử .- Thể hiện cách đánh giá của nhân dân đối với những nhân vật, sự kiện lịch sử được kể.- Cả người kể lẫn người nghe tin là những câu chuyện có thật. \*Truyện cổ tích- Kể về cuộc đời của các loại nhân vật nhất định.- Thể hiện quan niệm, ước mơ của nhân dân về cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác.- Cả người kể lẫn người nghe coi là những câu chuyện không có thật. | **1****1****1** |
| **6****(1)** | - Thiện: Thạch Sanh, công chúa, Ngọc Hoàng, vua Thủy Tề, Thái tử, bố mẹ Thạch Sanh.- Ác: Mẹ con Lí Thông, chằn Tinh, đại bàng, thái tử 18 nước chư hầu. | **0.5****0.5** |
| **7****(4)** | - Câu hỏi của viên quan: Trâu cày một ngày được mấy đường?- Câu hỏi của nhà vua: Nuôi làm sao để trâu đực đẻ được con? - Làm ba cỗ thức ăn bằng một con chim sẻ? - Câu hỏi của sứ thần: Làm cách nào để xâu được sợi chỉ qua con ốc vặn rất dài? - Trí thông minh của em bé được bộc lộ qua những thử thách đó qua cách giải câu đố. Em đã khéo léo tạo nên những tình huống để chỉ ra sự phi lí trong những câu đố của viên quan, của nhà vua và bằng kinh nghiệm làm cho sứ giặc phải khâm phục. | **0.5****0.5****0.5****0.5****2.0** |

2. Học sinh: Ôn kiến thức + giấy, bút, thước.

**C. Phương pháp:**

- Trắc nghiệm: 20%

- Tự luận 80%.

**D. Tiến trình bài giảng:**

**I. Ổn định tổ chức:** (Kiểm tra sĩ số hs)

**II. Kiểm tra bài cũ:** (KT sự chuẩn bị giấy KT của hs)

**III. Bài mới:**

 GV giao đề cho HS làm bài.

**IV. Củng cố:**

- GV: Thu bài làm của hs.

- Nhận xét giờ KT.

**V. Hướng dẫn HS tự học ở nhà:**

- Xem lại nội dung bài KT.

- Chuẩn bị bài: Luyện nói kể chuyện.

**E. Rút kinh nghiệm.**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

Ngày soạn:..............................Tiết: 44

Ngày giảng: 6A:...........................

 6B:..........................

KIỂM TRA TIẾNG VIỆT

**A. Mục tiêu cần đạt:**

I. Về kiến thức:

- Nắm lại nội dung kiến thức đó học về phần Tiếng Việt đó học để vận dụng kiến thức vào bài làm.

II. Về kĩ năng:

\* Kĩ năng bài học:

- Tổng hợp kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

- Vận dụng các kĩ năng đã học để làm bài.

\* Kĩ năng sống:

- Độc lập suy nghĩ, tự tin, ra quyết định.

III. Về thái độ:

- Có thái độ nghiêm túc trong khi làm bài.

IV. Năng lực:

- Qua bài này rèn cho học sinh năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực quản lí bản thân.

**B. Chuẩn bị:**

 - GV: Làm ma trận, ra đề bài, đáp án, biểu điểm.

**\*Ma trận**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Cộng** |
| TN | TL | TN | TL | Thấp | Cao |
| **Nghĩa của từ** | Biết được nghĩa của từ. |  |  |  |  |  |  |
| **Câu số:****S/điểm:****Tỉ lệ%:** | **1****0,5****5** |  |  |  |  |  | **1****0.5****5** |
| **Từ nhiều nghĩa & hiện tượng chuyển nghĩa của từ** |  |  | Hiểu được hiện tượng chuyển và phân biệt được nghĩa của từ. |  |  |  |  |
| **Câu số:****S/điểm:****Tỉ lệ%:** |  |  | **2 - 3****1****10** |  |  |  | **2****1****10** |
| **Chữa lỗi dùng từ** | Phát hiện lỗi dùng từ |  |  | Cách phát hiện lỗi và chữa lỗi dùng từ |  |  |  |
| **Câu số:****S/điểm:****Tỉ lệ%:** | **4****0,5****5** |  |  | **6****1****10** |  |  | **2****1.5****15** |
| **Danh từ, cụm danh từ** |  | Khái niệm cụm danh từ |  | Mô hình cụm danh từ |  | Viết đoạn văn TS có sử dụng DT, CDT |  |
| **Câu số:****S/điểm:****Tỉ lệ%:** |  | **5/1****1.5****15** |  | **5/2****1.5****15** |  | **7****4****40** | **2****7****70** |
| **T/s câu:****T/sđiểm:****Tỉ lệ%:** | **2.5****2.5****25** | **3.5****3.5****35** | **1****4****40** | **7****10****100** |

**\*Biên soạn đề**

**6A**

**I. Trắc nghiệm:** (2 điểm) mỗi câu đúng 0,5đ.

 Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước đáp án đúng

**Câu 1:** Cách **giải nghĩa** nào của từ **"núi"** dưới đây là đúng?

 A. Chỗ đất nhô cao

 B. Ngược với sông

 C. Phần đất, đá nổi cao trên mặt đất (thường cao từ 200m trở lên)

 D. Còn gọi là sơn, non

**Câu 2:** **Hiện tượng chuyển nghĩa** nào dưới đây chỉ sự vật chuyển thành hành động?

 A. Cái **cưa** -> **cưa** gỗ C. **Cuộn** bức tranh -> ba **cuộn** giấy

 B. Đang **bó** lúa -> gánh ba **bó** lúa D. Đang **nắm** cơm -> ba **nắm** cơm

**Câu 3**. - **Mắt** na hé mở nhìn trời trong veo (Trần Đăng Khoa )

 - Th­ương ai con **mắt** lá răm (ca dao)

 **Mắt** trong 2 trư­­ờng hợp trên là:

 A. Từ đồng nghĩa B. Từ đồng âm khác nghĩa

 C. Từ nhiều nghĩa D. Cả A, B, C.

**Câu 4**. Câu nào dưới đây mắc lỗi dùng **lẫn lộn từ gần âm**?

A. Giờ ra chơi, sân trường rộn rã tiếng cười đùa của học sinh .

B. Không khí sân trường hôm nay đông vui và nhộn nhịp.

C. Ông họa sĩ già nhấp nháy bộ ria mép quen thuộc.

D. Ngày mai chúng em đi tham quan viện bảo tàng.

**II. Tự luận:** (7 điểm)

**Câu 5** (3 điểm): Thế nào là cụm danh từ? Xác đinh cụm danh từ và vẽ mô hình cho cụm danh từ đó trong câu sau:

 Bố em mới mua cho em một cây bút mực thật đẹp.

**Câu 6 (**1 điểm**)**: Chỉ ra lỗi dùng từ trong câu sau và viết lại cho đúng:

 Quá trình học tập là quá trình tiếp thu tri thức nhân loại.

**Câu 7:**  (4 điểm) Viết đoạn văn từ 5 đến 7 câu (chủ đề tự chọn) trong đó có sử dụng danh từ riêng, danh từ chung.

**\*Đáp án và biểu điểm.**

**I. Trắc nghiệm:** (3 điểm) Mỗi câu đúng 0.5 điểm

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** |
| **Đáp án** | **C** | **A** | **C** | **C** |

**II. Tự luận**: (8 điểm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **5****(3đ)** | - Cụm danh từ: Là tổ hợp từ do danh từ và một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành.- Xác định cụm danh từ: **một cây bút mực thật đẹp**.- Mô hình cấu tạo:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Phần trước | Phần TT | Phần sau |
| t2 | t1 | T1 | T2 | s1 | s2 |
|  | **Một** | **cây** | **Bút mực** | **thật đẹp** |  |

 | **1****0.5****1.5** |
| **6****(1đ)** | - Lỗi: Lặp từ **quá trình.**- Sửa lại: Học tập là quá trình tiếp thu tri thức nhân loại. | **0.5****0.5** |
| **7****(4đ)** | \* Hình thức: Đủ số câu qui định, diễn đạt lô gích, không sai lỗi chính tả.\* Nội dung: Viết đúng chủ đề lựa chọn, có sử dụng danh từ chung và danh từ riêng, chỉ ra được danh từ chung và danh từ riêng. | **4** |

**\*Biên soạn đề**

**6B:**

**I. Trắc nghiệm:** (2 điểm) mỗi câu đúng 0,5đ.

 Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước đáp án đúng

**Câu 1**. Những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa được gọi là gì?

 A. Từ láy C. Từ trái nghĩa

 B. Từ ghép D. Từ đồng âm

**Câu 2**. Các từ: sông núi, đất nước, bánh chưng, bánh giày, nem công, chả phượng, nhà cửa, học tập thuộc loại từ nào?

A. Từ ghép B. Từ láy C. Từ đơn D. Từ nhiều nghĩa.

 **Câu 3:** Chọn cách giải thích đúng nghĩa của từ “khôi ngô”?

A. Hùng dũng, oai nghiêm.

B. Người có sức lực cường tráng.

C. Là người lịch sự.

D. Vẻ mặt sáng sủa, thông minh.

**Câu 4:** Tên riêng của các tổ chức, cơ quan, giải thư­ởng, danh hiệu được viết hoa như thế nào?

 A. Viết hoa chữ cái đầu tiên của mỗi tiếng.

 B. Chỉ viết hoa chữ cái đầu tiên của tên tổ chức, cơ quan, giải thư­ởng, danh hiệu.

 C. Viết hoa chữ cái đầu tiên của mỗi bộ phận tạo thành cụm từ.

 D. Viết hoa toàn bộ chữ cái.

 **II. Phần tự luận**: 8 điểm

 **Câu 5 :** Trong từ nhiều nghĩa có những nghĩa nào? Trong các trường hợp sau đây từ “bụng” có nghĩa gì?

 a. Ăn cho ấm bụng.

 B. Anh ấy rất tốt bụng.

**Câu 6 (**2 điểm**)**: Xác định cụm danh từ trong câu sau và điền nó vào mô hình:

 Tất cả những bức tranh đẹp ấy đều do H­ương vẽ.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần trư­ớc** | **Phần trung tâm** | **Phần sau** |
| **t2** | **t1** | **T1** | **T2** | **s1** | **s2** |
|   |  |  |  |  |  |

 **Câu 7:**  (4 điểm) Viết đoạn văn từ 5 đến 7 câu (chủ đề tự chọn) trong đó có sử dụng danh từ riêng, danh từ chung.

**\*Đáp án và biểu điểm.**

**I. Trắc nghiệm:** (3 điểm) Mỗi câu đúng 0.5 điểm

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** |
| **Đáp án** | **B** | **A** | **D** | **C** |

**II. Tự luận**: (8 điểm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **5****(2.5đ)** | - Trong từ nhiều nghĩa có nghĩa chính và nghĩa chuyển - Giải nghĩa từ bụng a. Chỉ bộ phận cơ thể người hoặc động vật chứa ruột, dạ dày  b. Là biểu tượng ý nghĩ sâu kín không bộc lộ ra đối với người và vật nói chung. | **0.5****1****1** |
| **5****(1.5đ)** | - Xác định cụm danh từ: **Tất cả những bức tranh đẹp ấy đều do H­ương vẽ.**- Mô hình cấu tạo:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Phần trước | Phần TT | Phần sau |
| t2 | t1 | T1 | T2 | s1 | s2 |
|  Tất cả  | những  | bức | tranh |  đẹp  | ấy |

 | **0.5****1.5** |
| **7****(4đ)** | \*Hình thức: Đủ số câu qui định, diễn đạt lô gích, không sai lỗi chính tả.\*Nội dung: Viết đúng chủ đề lựa chọn, có sử dụng danh từ chung và danh từ riêng, chỉ ra được danh từ chung và danh từ riêng. | **4** |

- HS: Ôn tập kiến thức đã học

**C. Phương pháp:**

 Trắc nghiệm: 20%

 Tự luận: 80%

**D. Tiến trình bài dạy:**

**I. Ổn định tổ chức.**

**II. Kiểm tra bài cũ.**

 GV: Kiểm tra sự chuẩn bị giấy KT của HS

**III. Bài mới:**

 Học sinh làm bài.

**IV. Củng cố - luyện tập**

 GV: Thu bài, nhận xét giờ kiểm tra.

**V. HDHS học bài ở nhà:**

- VN học bài.

- Chuẩn bị bài: Trả bài TLV số 2.

**E. Rút kinh nghiệm:**

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................